TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC - HÀ NỘI** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HSST
Ngày: 24/11/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Tr- ơng Thành Tr

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị T
2. Bà Nguyễn Thị L

Th- ký phiên toà: Bà Ngô Thị L

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Bích D, KSV

Ngày 24 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện HĐ, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2018/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2018 theo quyết đinh đưa vụ án ra xét xử số 121/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 tại huyện HĐ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn 1, xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị H; có chồng là anh Vũ Tiến C và 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011): tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không, hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt tại phiên toà).*

Bị hại: Anh Phạm Đình M, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn 4, xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên toà).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Lê Văn C, sinh năm 1997.

HKTT: Thôn XM, xã QY, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phú.

Nơi cư trú: Số 171 đường XT, quận CG, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên toà).

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn 1, xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên toà).

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954.

Trú tại: Thôn 4, xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 ngày 12/7/2018 L mang theo 01 chiếc chìa khóa xe máy Airblade của L đi bộ sang nhà anh M ở Thôn 4, xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Khi đến nơi thấy nhà anh M không khóa cổng, L mở cổng đi vào sân thấy chiếc xe máy Airblade, BKS 29X5-307.97 để ở sân giữa nhà và bếp nên L dùng chìa khóa xe mình mang theo cắm vào ổ khóa xe máy của anh M thì thấy mở được khóa xe, đèn sáng, L mở cốp xe thấy trong cốp có 01 đăng ký chiếc xe máy trên và 01 chứng minh nhân dân (bản phô tô) mang tên anh Phạm Đình M. L liền dắt xe máy ra cổng, nổ máy đi bán chiếc xe trên cho anh Lê Văn C, là nhân viên của cửa hàng bán mô tô, xe máy Honda tại 171 đường XT, quận CG, thành phố Hà Nội để bán chiếc xe máy vừa trộm cắp được với giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Để tránh bị phát hiện, Nguyễn Thị L viết giấy bán xe lấy tên là Nguyễn Thị L ở thôn 4, xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội, số điện thoại: 0973756987 (là số điện thoại cũ của L). Sau khi bán xe xong. L cầm tiền về trả nợ hết 9.000.000đ (chín triệu đồng), còn lại 11.000.000đ (mười một triệu đồng) cất ở chỗ làm việc tại khu Công nghiệp xã LY.

Ngày 13/9/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện HĐ có kết luận định giá tài sản số: 118/KL-ĐGTS kết luận: Chiếc xe máy AirBlade, BKS 29X5-307.97 của anh M có giá trị là: 28.333.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Đối với anh Lê Văn C, là người đã mua chiếc xe máy của L nhưng không biết nguồn gốc tài sản là do L trộm cắp được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HĐ không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: Ngày 08/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện HĐ đã có Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Đình M 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu xám bạc, BKS: 29X5-307.97.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Thị L đã tự nguyện mang 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) còn lại về đưa cho mẹ chồng là bà Nguyễn Thị L mang sang trả cho M và mẹ đẻ L là bà Nguyễn Thị H cũng đưa cho bà L 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) để khắc phục hậu quả cho anh M. Ngày 08/10/2018, anh Phạm Đình M đã mang số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bà L đưa cho để trả lại cho anh Lê Văn C. Anh Phạm Đình M đã nhận lại

được tài sản là chiếc xe máy trên và anh Lê Văn C đã nhận lại đủ số tiền 20.000.000đ , bà H đã nhận lại số tiền 9.000.000đ không yêu cầu về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 122/CT- VKSHĐ- HN ngày 08/11/2018 của Viện kiểm sát huyện HĐ đã truy tố Nguyễn Thị L về tội trộm cắp tài sản, áp dụng khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội trộm cắp tài sản; □p dụng khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị L 09 - 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 11 giờ 30 ngày 12/7/2018, Nguyễn Thị L đi bộ mang theo 01 chiếc chìa khóa xe máy Airblade của L đi đến nhà Nguyễn Đình M ở Thôn 4, xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Tại đây, L dùng chìa khóa mang theo cắm mở khóa điện, lấy chiếc xe máy Airblade, BKS 29X5-307.97 của anh M trị giá 28.333.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), trong cốp xe có 01 đăng ký chiếc xe máy trên và 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân mang tên anh Phạm Đình M. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của anh M được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích phạm tội là chiếm đoạt tài sản, bán lấy tiền chi tiêu cá thân. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa đúng với lời khai tại cơ quan điều tra, tang vật đã thu giữ được. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị L phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đó là tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đối chiếu với quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự và điều 2 nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Người bị hại anh Nguyễn Đình M đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Bị cáo Nguyễn Thị L đã thanh toán trả bà Nguyễn Thị H số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) là số tiền bà H đưa cho anh M, bà H không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[2] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

[3] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều là chứng cứ hợp pháp.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố vụ án đúng quy định.

[5] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phản ánh cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX thấy không có dấu hiệu vi phạm nên không kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội trộm cắp tài sản.

- Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1 điều 51, điều 38, 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị L 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho UBND xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị L cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 điều 135; khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 22 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi gửi:
-Toà án TP Hà Nội
-VKS huyện Hoài Đức
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức
- Dán án
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Thành Tr